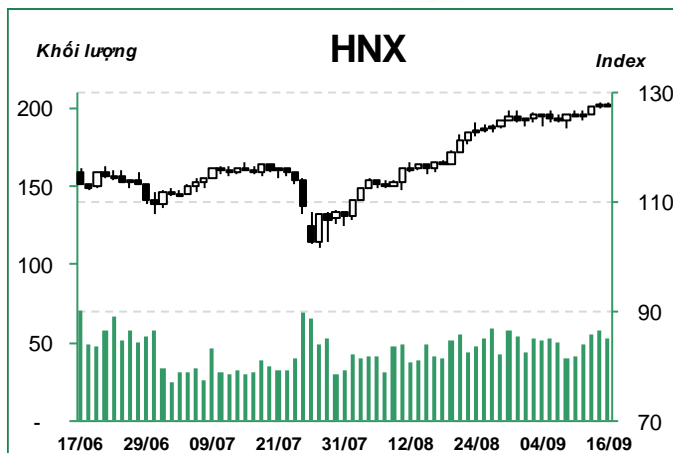
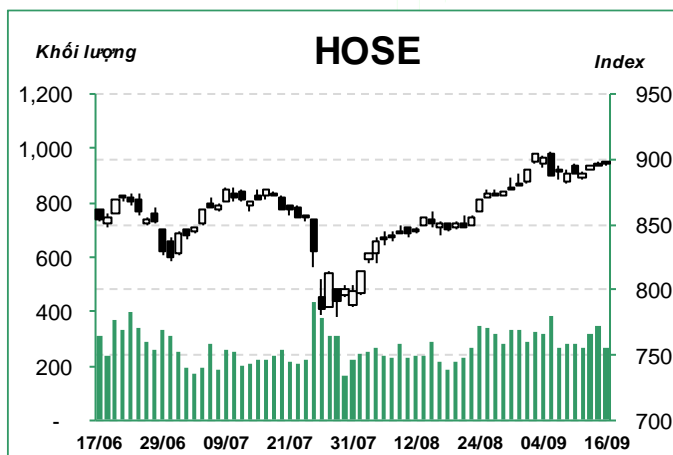


Tổng quan thị trường

16/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	897.47	0.14%	834.50	0.14%	127.87	-0.04%
Cuối tuần trước	888.97	0.96%	825.56	1.08%	126.21	1.32%
Trung bình 20 ngày	887.21	1.16%	822.18	1.50%	125.59	1.82%
Tổng KLGD (triệu cp)	290.43	-23.93%	62.14	-43.41%	63.99	3.30%
KLGD khớp lệnh	262.87	-23.44%	54.11	-38.16%	53.02	-8.17%
Trung bình 20 ngày	310.85	-15.44%	83.61	-35.28%	50.57	4.85%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	5,049.80	-24.92%	1,868.68	-40.25%	847.32	20.45%
GTGD khớp lệnh	4,399.06	-20.52%	1,586.73	-33.19%	521.33	-14.24%
Trung bình 20 ngày	5,388.70	-18.37%	2,402.98	-33.97%	577.02	-9.65%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	183	41%	11	37%	80	22%
Số mã giảm	198	44%	11	37%	78	22%
Số mã đứng giá	68	15%	8	27%	198	56%



Thị trường có phiên giao dịch tương đối âm ảm với sự trái chiều của các cổ phiếu trụ cột. Thanh khoản bất ngờ giảm mạnh khi nhà đầu tư thận trọng chờ đợi những sự kiện đáng chú ý sắp diễn ra như cuộc họp của Fed, đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 9 cũng như phiên cơ cấu của 2 quỹ ETF.

VN-Index giao dịch giằng co quanh tham chiếu trong phiên giao dịch hôm nay trước khi đóng cửa tăng nhẹ tại mức 897.47 điểm (+0.14%). KLGD khớp lệnh đạt 262.9 triệu cổ phiếu (-23.4%), tương đương 4,399 tỷ đồng giá trị (-20.5%). Độ rộng thị trường có phần nghiêng về bên bán với 198 mã giảm so với 183 mã tăng.

Trong đó, dẫn đầu đà tăng trên sàn là Vingroup-VIC (+0.5%) khi cổ phiếu này đảo chiều và đóng cửa cao nhất vào cuối phiên. Theo sau là những cổ phiếu trụ khác như Petrolimex-PLX (+2.6%), Vietcombank-VCB (+0.5%) và Vinhomes-VHM (+0.5%). Ngoài ra, một số cổ phiếu cũng ghi nhận lực cầu mua vào đáng chú ý như Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+6.2%), Tập đoàn Sao Mai-ASM (+7.0%), Xây dựng Hòa Bình-HBC (+5.0%) hay Becamex IJC-IJC (+7.0%). Ở chiều ngược lại, Becamex IDC-BCM (-2.4%), Vinamilk-VNM (-0.5%), BIDV-BID (-0.5%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Áp lực bán của khối ngoại tiếp tục thu hẹp trên sàn HoSE với giá trị bán ròng hôm nay chỉ đạt 164.4 tỷ đồng (-57.6%). Trong đó, Vinhomes-VHM (-58.5 tỷ), Vinamilk-VNM (-43.2 tỷ), 577 CORP-NBB (-25.8 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng của khối ngoại. Trái lại, Vingroup-VIC (+36.2 tỷ), Vincom Retail-VRE (+34.8 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+18.3 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến giằng co nhưng tiêu cực hơn khi đóng cửa giảm điểm tại mức 127.87 điểm (-0.04%). Thanh khoản giảm nhẹ khi KLGD khớp lệnh

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
NVL	1,962.1	123.63
VPB	3,229.0	70.48
NLG	1,385.0	38.75
ITA	8,612.0	38.32
MSN	652.5	35.89
KDH	850.0	20.78
VSC	450.0	15.75
TCB	586.0	12.51
BMP	200.0	11.89
VRE	369.0	10.67
HNX		
VCG	8,769.0	293.76
SHS	1,162.5	13.83
VC3	700.0	11.72
ACB	211.6	4.95
DIH	110.0	1.47
SJE	14.4	0.25

đạt 53.0 triệu cổ phiếu (-8.2%), tương đương 521.3 tỷ đồng giá trị (-14.2%).

Cả 2 trụ cột ngành ngân hàng là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.4%), Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.5%) đồng loạt giảm điểm gây áp lực chính cho chỉ số. Trong khi đó, Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (+4.2%), Dầu khí PTSC-PVS (+3.2%), Thaiholdings-THD (+3.7%) giúp hỗ trợ thị trường.

Khối ngoại giảm bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 2.0 tỷ đồng (-76.4%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.4 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8 tỷ), Hóa chất Lâm Thao-LAS (-0.5 tỷ). Ngược lại, khối này mua ròng Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.6 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.4 tỷ) và Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền có phần thận trọng trở lại. Không những vậy, chỉ số đang hình thành hai nền thân hẹp liên tiếp, cho thấy sự giằng co và lưỡng lự của cả hai phe mua và bán. Tuy nhiên, chỉ số vẫn giữ được trên MA5 và 20, kèm theo đường ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi. Do đó, tín hiệu giằng co hiện tại có thể chỉ là nhịp tích lũy với vùng vận động hẹp quanh 880-905 điểm nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phiên giảm điểm trở lại. Mặc dù vậy, chỉ số vẫn giữ trên MA 20 và chòm MA5,10,20 đang ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật với ngưỡng hỗ trợ chính quanh 126.1 (vùng tích lũy vừa qua). Nhìn chung, thị trường vẫn đang cho tín hiệu giằng co tích lũy nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi được bền vững hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình hợp lý hơn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ASM	8.0	7,665.8	7.0%
IJC	12.3	1,214.0	7.0%
SFG	6.4	152.5	6.9%
YBM	4.7	99.3	6.8%
LCM	0.8	62.8	6.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TGG	1.2	1,881.8	-6.9%
DAH	5.1	1,210.6	-6.9%
DTA	4.5	82.3	-6.9%
L10	15.8	0.0	-6.8%
DAT	41.0	12.7	-6.6%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HSG	13.8	278.4	6.2%
GEX	25.0	224.0	-1.4%
HPG	24.7	170.1	0.0%
DBC	47.2	119.9	-0.3%
STB	11.6	118.5	-0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HSG	13.8	20,591.7	6.2%
STB	11.6	10,179.6	-0.4%
PVD	11.4	9,262.1	2.3%
GEX	25.0	8,915.2	-1.4%
HBC	10.6	8,619.1	5.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
WSS	2.2	19.8	10.0%
SGH	40.7	0.1	10.0%
DNM	58.8	78.1	9.9%
PGT	4.5	0.2	9.8%
SJE	19.3	101.2	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	527.2	-12.5%
TMX	12.6	0.1	-10.0%
NBW	19.2	0.1	-9.9%
DST	4.7	6,027.0	-9.6%
MHL	3.8	0.1	-9.5%

Top 5 giá trị

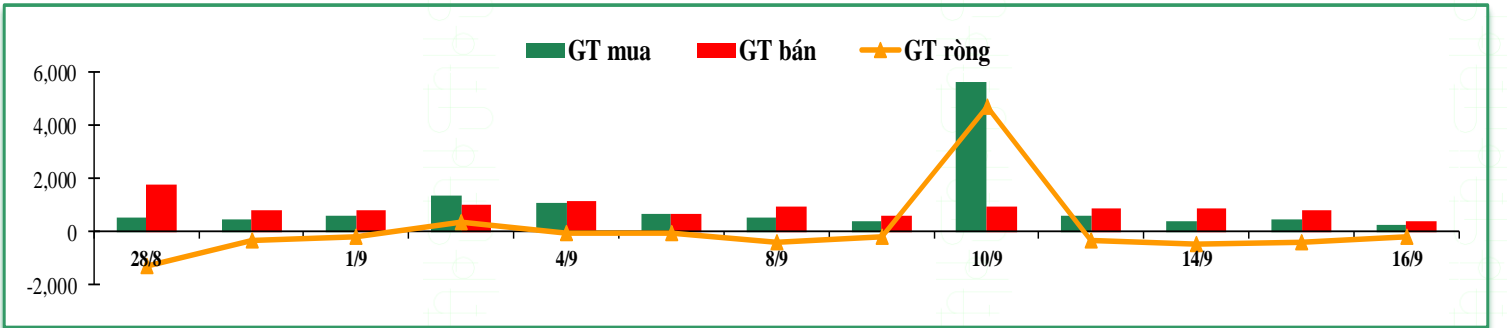
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	12.9	123.4	3.2%
ACB	21.2	46.5	-0.5%
SHS	11.8	35.5	-1.7%
SHB	14.3	29.5	-1.4%
NVB	8.7	29.4	2.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	12.9	9,586.6	3.2%
DST	4.7	6,027.0	-9.6%
HUT	2.6	3,679.9	0.0%
NVB	8.7	3,415.8	2.4%
SHS	11.8	2,988.9	-1.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	235.1	5.3%	399.5	9.1%	-164.4
HNX	7.8	1.5%	9.8	1.9%	-2.0
Tổng số	243.0		409.3		-166.3



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	28.9	49.0	0.0%
VIC	95.5	43.4	0.5%
HSG	13.8	18.4	6.2%
VCB	82.9	15.9	0.5%
HCM	20.3	14.8	1.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	77.2	65.8	0.5%
VNM	124.2	49.6	-0.5%
NBB	19.8	25.8	1.3%
GEX	25.0	19.7	-1.4%
HDB	29.9	19.4	-0.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	95.5	36.2	0.5%
VRE	28.9	34.8	0.0%
HSG	13.8	18.3	6.2%
VCB	82.9	12.9	0.5%
HCM	20.3	10.2	1.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	5.0	-0.5%
NTP	33.0	0.7	0.9%
BVS	11.1	0.7	2.8%
WCS	198.0	0.4	0.5%
IDV	49.0	0.4	-0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	5.0	-0.5%
SHB	14.3	1.5	-1.4%
NTP	33.0	0.8	0.9%
PVS	12.9	0.8	3.2%
LAS	6.0	0.5	7.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	11.1	0.6	2.8%
WCS	198.0	0.4	0.5%
IDV	49.0	0.4	-0.6%
VCS	67.1	0.3	-1.0%
INN	28.9	0.2	2.5%

Tin trong nước

Thu 678 tỷ đồng từ thoái vốn nhà nước sau 8 tháng

Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) cho biết, từ tháng 1 - 8/2020 có 10 doanh nghiệp (DN) có giá trị 260 tỷ đồng đã thực hiện thoái vốn.

Tổng cộng đã thu về 678 tỷ đồng thuộc danh mục phải thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng.

Lũy kế từ đầu năm 2016 đến tháng 8/2020, đã thoái được 25.634 tỷ đồng vốn nhà nước, thu về 172.877 tỷ đồng. Bên cạnh đó, về tình hình cổ phần hóa, trong 8 tháng năm nay, Cục Tài chính DN nhận được báo cáo phê duyệt phương án cổ phần hóa (CPH) của 6 DN, trong đó có Công ty TNHH MTV giống gia súc Hải Dương là đơn vị thuộc kế hoạch CPH theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Lũy kế giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 8/2020, đã có 177 DN được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án CPH với tổng giá trị DN là 443.503 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 207.116 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong 177 DN đã thực hiện CPH chỉ có 37 công ty trong tổng số 128 DN bắt buộc CPH theo quyết định của Thủ tướng (đạt 28% kế hoạch).

Ngành nào thúc đẩy tín dụng 7 tháng đầu năm?

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), xây dựng là mảng thúc đẩy tín dụng lớn nhất, tăng 5,8%, với tổng dư nợ hơn 847.522 tỷ đồng, chiếm 10% dư nợ. Tổng ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 29% cơ cấu với hơn 2,45 triệu tỷ đồng. Tín dụng vào lĩnh vực thương mại tăng 4% với hơn 1,9 triệu tỷ đồng, chiếm 22% tổng dư nợ.

Một số hoạt động dịch vụ khác ghi nhận tăng trưởng 4,42% với gần 3,2 triệu tỷ đồng dư nợ, chiếm 38% tổng tín dụng, dẫn đầu cơ cấu.

Theo kết quả điều tra các tổ chức tín dụng (TCTD) của Vụ Dự báo Thống kê (Ngân hàng Nhà nước), trong 6 tháng cuối năm 2020, 49% TCTD kỳ vọng xuất nhập khẩu sẽ là động lực tăng trưởng tín dụng của hệ thống, tiếp đến là bán buôn, bán lẻ (47%), dệt may (41%) và xây dựng (40%).

Nửa đầu năm, các ngành nghề được cho là động lực tăng trưởng tín dụng của hệ thống trong là lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, xuất, nhập khẩu, xây dựng và dệt may.

Đánh giá tổng thể trong cả năm, bán buôn, bán lẻ vẫn là lĩnh vực được nhiều TCTD dự báo là động lực tăng trưởng tín dụng nhất (46,9%), tiếp đến là xây dựng (43,9%), xuất nhập khẩu (41,8%) và dệt may (40,8%). 4 lĩnh vực này được phần lớn các TCTD dự báo là động lực tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2021, trong đó xuất nhập khẩu được nhiều TCTD lựa chọn nhất.

Các TCTD cho biết đã cắt giảm lãi suất biên và các phí phi lãi suất trong 6 tháng đầu năm 2020 để hỗ trợ, tăng khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng. Các điều kiện và điều khoản vay vốn được dự kiến nới lỏng hơn với các khoản vay cho sản xuất, kinh doanh và vay qua thẻ tín dụng trong 6 tháng cuối năm 2020.

Tuy nhiên, các TCTD thắt chặt hơn các yêu cầu về tài sản đảm bảo và xếp hạng tín nhiệm của khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng tín dụng do rủi ro tín dụng, đặc biệt thắt chặt hơn điều kiện và điều khoản vay vốn đối với các khoản vay đầu tư kinh doanh bất động sản, chứng khoán và vay tiêu dùng.

6 tháng đầu năm, các TCTD đã đáp ứng nhu cầu vay vốn tổng thể của khách hàng ở mức độ cao hơn so với 6 tháng cuối năm 2019, với 88,7% TCTD cho biết đã đáp ứng từ 75-100% nhu cầu vay vốn, cao hơn tỷ lệ 84,3% của 6 tháng cuối năm 2019. Chỉ có 11,3% TCTD cho biết đáp ứng dưới 75% nhu cầu tín dụng của khách hàng trong 6 tháng đầu năm 2020, nguyên nhân chính là do sự thay đổi khẩu vị rủi ro của đơn vị và diễn biến kinh tế.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Đẩy mạnh thị trường miền Nam, Hòa Phát tăng thị phần thép xây dựng lên 32%

Thông tin từ Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG), lũy kế 8 tháng, sản lượng đơn vị đạt 3,2 triệu tấn thép, trong đó thép xây dựng thành phẩm trên 2,1 triệu tấn, còn lại là phôi thép. Sản lượng thép thành phẩm tăng 18,3% so với cùng kỳ, khu vực miền Nam lần đầu vượt 500.000 tấn sau 8 tháng và cao gấp đôi so với cùng kỳ. Kế hoạch tiêu thụ năm nay của Hòa Phát là 3,6 triệu tấn thép xây dựng.

Mức tiêu thụ trên đã giúp thép Hòa Phát nâng thị phần lên 32% vào cuối tháng 8, cải thiện đáng kể so với con số 26,2% năm 2019.

Doanh nghiệp cho biết điểm mấu chốt để tăng thị phần là chiến lược mở rộng chiếm lĩnh thị trường miền Nam trong khoảng 5 năm trở lại đây. Từ chiến lược này, dự án Khu liên hợp Dung Quất quy mô đầu tư 60.000 tỷ đồng đã được triển khai từ năm 2017, với 2 dòng sản phẩm chính là thép dài xây dựng và thép dẹt cán nóng, công suất khoảng 5 triệu tấn/năm. Sau hơn 1 năm triển khai, Khu liên hợp tại Quảng Ngãi bắt đầu cung cấp sản phẩm cho thị trường và đang đóng vai trò chính trong thúc đẩy tăng trưởng thị phần thép Hòa Phát.

Theo của Hiệp hội thép Việt Nam, sản lượng bán hàng của các thành viên hiệp hội trong 8 tháng đạt 6,6 triệu tấn, giảm 5,8% so với cùng kỳ 2019; trong đó, xuất khẩu là 906.000 tấn, giảm 5,9% so với cùng kỳ. Ngược lại, thép Hòa Phát ghi nhận tăng trưởng 18,3%, nhất là khu vực phía Nam và xuất khẩu.

Đầu tư Sài Gòn VRG chia thưởng cổ phiếu 15%

Đầu tư Sài Gòn VRG (UPCoM: SIP) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ phát hành thưởng là 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng vào 25/9.

Với hơn 69 triệu cổ phiếu đang lưu hành, khối lượng phát hành dự kiến là 10,35 triệu cổ phiếu mới. Vốn điều lệ công ty có thể tăng thành 794 tỷ đồng.

Năm ngoái, Đầu tư Sài Gòn VRG ghi nhận doanh thu và lợi nhuận đều tăng mạnh nhờ thu hút thêm các nhà đầu tư với tổng mức đầu tư 346 triệu USD. Công ty đạt mức lãi kỷ lục hơn 645 tỷ đồng, tăng 160%. Mức cổ tức cho năm 2019 bằng tiền 19%.

Xây dựng kế hoạch cho 2020, công ty đề ra doanh thu 3.370 tỷ đồng, giảm 22%. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 240 tỷ đồng, giảm 63% so với thực hiện năm 2019 nhưng vẫn tăng 20% so với kế hoạch năm 2019. Chỉ tiêu cổ tức tối thiểu 20% bằng tiền.

Tập đoàn Lộc Trời và Tập đoàn Louis Rice ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược

Chiều ngày 20/8/2020, tại trụ sở Tập đoàn Louis Rice, Tập đoàn Lộc Trời và Tập đoàn Louis Rice đã chính thức ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược. Đây là sự kiện quan trọng có tính bước ngoặt, mang ý nghĩa tích cực cho cả hai bên trong việc xây dựng và phát triển hoạt động thu mua và phân phối, xuất khẩu gạo trong tương lai.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DBC	Chốt lời	17/09/20	47.2	46.5	1.5%	55.5	19.4%	43.5	-6.5%	Tín hiệu yếu đi
2	MWG	Mua	17/09/20	94.6	94.6	0.0%	105	11.0%	90	-4.9%	Tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CII	Quan sát mua	17/09/20	18.45	20-20.5	Phiên tăng tốt kèm vol cao trở lại, thoát nền tích lũy và cho tín hiệu retest MA50 thành công -> khả năng quay lại nhịp tăng
2	VEA	Quan sát mua	17/09/20	45.2	52	Phiên bật tăng tốt từ nền tích lũy cũng như MA50 + vol cao trở lại -> có cơ hội break vùng sideway trung hạn, cần tiếp tục tăng vượt 46 với vol cao để xác nhận
3	DXG	Quan sát mua	17/09/20	10.2	11.5	Tín hiệu retest MA50 tích cực với nền rút chân kèm vol duy trì cao trên trung bình 10 ngày -> khả năng sớm tăng trở lại
4	PTB	Quan sát mua	17/09/20	51.8	58.5-61	Các phiên tích lũy bên dưới MA200 tích cực với vol giảm dần -> khả năng sớm có phiên break
5	DGW	Quan sát bán	17/09/20	52.4	48.5-50 45	Mẫu hình đảo chiều Bearish Engulfing + RSI, MACD Histogram phân kỳ giảm -> khả năng có nhịp điều chỉnh, có thể canh hồi về quanh 53 để bán

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.6	33.45	21.4%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	VRE	Nắm giữ	27/08/20	28.9	27.2	6.3%	32	17.6%	26.6	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

3	PPC	Mua	14/09/20	24.25	24.3	-0.2%	26	7%	23.5	-3%
4	IMP	Mua	15/09/20	49.4	48.15	2.6%	54.4	13%	47.2	-2%
5	LIX	Mua	16/09/20	58.6	56.8	3.2%	60.9	7%	54.9	-3%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 16/09/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,290	-0.8 %	-16%	8	91	72,900	104	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,450	5.1 %	57%	4,281	54	50,500	1,266	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,860	3.3 %	24%	12,350	43	50,500	1,469	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,680	4.4 %	-1%	5,280	37	50,500	1,427	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,520	4.8 %	1%	14,801	120	50,500	744	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	700	-6.7 %	-35%	10,877	19	29,850	642	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,700	-3.6 %	24%	6,240	22	29,850	2,598	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,260	-1.1 %	436%	11	15	24,700	5,724	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2008	4,100	3,790	0.5 %	-8%	12,631	75	24,700	35	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,940	-1.3 %	146%	7,135	43	24,700	1,141	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,630	0.5 %	-8%	3,519	124	24,700	579	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,920	-1.0 %	0%	48	76	24,700	1,201	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,720	-0.9 %	-7%	10	215	24,700	1,465	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,140	0.8 %	-8%	2,157	166	24,700	977	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2016	2,200	2,570	-0.4 %	17%	1,986	120	24,700	159	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,310	-1.5 %	-35%	2,161	54	18,100	423	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	40	18,100	0	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,070	1.9 %	-3%	6,210	43	18,100	830	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,320	-2.2 %	-6%	520	120	18,100	756	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	450	-13.5 %	-80%	6,603	91	54,900	4	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	430	-4.4 %	-80%	9,305	43	54,900	1	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,260	-5.3 %	-34%	10,680	120	54,900	395	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,410	-2.1 %	-8%	11,888	82	54,900	576	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	2,990	22.0 %	20%	59	15	94,600	1,363	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	300	42.9 %	-85%	1,045	40	94,600	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	12,010	10.2 %	-7%	2,379	75	94,600	8,479	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,230	12.8 %	-5%	41,691	41	94,600	989	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,740	6.1 %	9%	38,061	37	94,600	1,606	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,840	5.8 %	31%	4,602	120	94,600	1,386	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	91	63,800	133	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,530	-1.2 %	27%	700	175	63,800	1,062	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	320	14.3 %	-87%	1,905	15	60,700	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	120	-7.7 %	-94%	106	40	60,700	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	500	6.4 %	-50%	6,022	43	60,700	146	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	870	4.8 %	-13%	7,141	120	60,700	388	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,120	5.0 %	27%	10,085	65	60,700	1,599	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CREE2003	1,000	1,890	1.1 %	89%	12,034	43	39,000	1,821	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,200	-3.0 %	104%	3,469	37	39,000	3,197	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,070	-2.8 %	59%	27	120	39,000	1,711	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	0 %	-83%	5,207	91	2,190	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	200	25.0 %	-93%	1,237	91	14,050	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,190	0 %	-30%	2,213	91	11,550	300	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	1,290	-5.8 %	-8%	11,344	75	11,550	725	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	430	7.5 %	-60%	8,200	48	11,550	63	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	810	-4.7 %	-46%	134	201	11,550	245	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	2,030	0 %	35%	19,033	65	11,550	1,410	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CTCB2003	2,000	-	0 %	-100%	-	40	21,400	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,550	-2.5 %	-48%	2,008	75	21,400	378	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,880	-0.5 %	57%	1,681	43	21,400	1,732	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,580	-16.0 %	-7%	5,003	120	21,400	953	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	990	-1.0 %	-68%	1	91	77,200	5	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	6,070	0.2 %	-47%	4,776	75	77,200	2,465	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	990	-5.7 %	-1%	6,145	43	77,200	745	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	120	-14.3 %	-92%	14,410	19	77,200	(0)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	910	0 %	-35%	21,021	120	77,200	293	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	91	106,900	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	-	0 %	-100%	-	43	106,900	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	80	0 %	-95%	26,432	19	106,900	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	14,980	-0.1 %	-14%	3,505	75	124,200	7,546	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,460	-2.4 %	64%	4,254	43	124,200	2,157	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	350	6.1 %	-77%	2,132	19	124,200	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,430	0 %	-40%	512	175	124,200	252	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	1,960	-4.9 %	9%	5,771	120	124,200	1,223	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,240	-2.6 %	24%	10,741	82	124,200	1,794	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2006	3,400	1,500	-2.6 %	-56%	17,115	75	23,000	382	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	960	1.1 %	-44%	14,822	43	23,000	380	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,660	-1.8 %	-8%	1,232	120	23,000	916	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,000	-3.4 %	23%	7,066	65	23,000	1,461	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	340	-10.5 %	-89%	19,099	91	28,900	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,870	-2.1 %	-28%	590	75	28,900	1,511	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2006	1,100	1,580	0.6 %	44%	14,628	43	28,900	1,495	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	680	0 %	-55%	16,269	201	28,900	213	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,310	-0.8 %	9%	19,309	120	28,900	869	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
CTD (New)	HOSE	72,900	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD (New)	HOSE	45,300	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB (New)	HOSE	82,900	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST (New)	HOSE	51,300	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR (New)	HOSE	58,600	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	28,900	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,150	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	94,600	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,800	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	125,100	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	54,900	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	24,700	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	104,400	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	104,500	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,000	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	59,100	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,800	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	60,700	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	42,400	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.